TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2021
"*V/v Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Trương Thị Hiệp.

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Văn Thị Ái L, sinh năm 1974

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 373 đường Lê Duẩn, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt – vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Trương Công T, sinh năm 1972

Nơi ĐKHKTT: Số 373 đường Lê Duẩn, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: Số 64A đường Đào Duy Từ, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Văn Thị Ái L trình bày:*** Chị và anh Trương Công T có thời gian ngắn tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thành (nay là phường Nhơn Thành) năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại phường Đập Đá, thị xã An Nhơn. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, do anh T không biết chăm lo cho gia đình, vợ con, không lo làm ăn, còn gây nợ nần, vợ chồng phải bán nhà để trả nợ. Chị đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng xích mích, kình cãi rất nhiều. Vợ chồng chị vẫn ở chung nhưng đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan T đến cuộc sống của nhau. Chị nhận thấy không thể nào duy trì quan hệ hôn nhân nữa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 người con chung tên Trương Mạnh K sinh ngày 27/9/1997, Trương Gia H sinh ngày 24/10/2000, Trương Gia Kh sinh ngày 13/6/2009 và Trương Triều L sinh ngày 11/12/2011, hiện đang ở với chị. Cháu K và cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con đối với hai cháu. Chị L yêu cầu được nuôi cháu Kh và cháu L, không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn anh Trương Công T*** vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Tại biên bản lấy lời khai anh T trình bày: Anh và chị Văn Thị Ái L tìm hiểu nhau thời gian ngắn, sau đó tự nguyện kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thành (nay là phường Nhơn Thành) năm 1996. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng ở phường Đập Đá, vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau nhưng gần đây mẹ anh đau ốm nên anh thường xuyên đến ở với mẹ để tiện việc chăm sóc. Anh cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để phải ly hôn. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 người con chung tên Trương Mạnh K sinh ngày 27/9/1997, Trương Gia H sinh ngày 24/10/2000, Trương Gia Kh sinh ngày 13/6/2009 và Trương Triều L sinh ngày 11/12/2011, hiện đang ở với vợ chồng. Cháu K và cháu H đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con đối với hai cháu. Trường hợp Tòa án xét cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu L, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nếu cháu L muốn ở với mẹ anh cũng chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Văn Thị Ái L được ly hôn với anh Trương Công T. Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trương Gia Kh và cháu Trương Triều L cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về quan hệ tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Văn Thị Ái L khởi kiện xin ly hôn anh Trương Công T có địa chỉ cư trú tại số 373 đường Lê Duẩn, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn. Xét, bị đơn anh Trương Công T đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Ái L và anh Trương Công T trước khi tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thành (nay là phường Nhơn Thành), thị xã An Nhơn nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, giữa chị L, và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm chăm sóc cho gia đình, không lo làm ăn và còn gây ra nợ nần. Chị L đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Đối với anh T, mặc dù anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để phải ly hôn nhưng anh T không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại tất cả phiên hòa giải và phiên tòa chứng tỏ anh T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng của chị L, anh T đã thực sự rạn nứt, không có biện pháp hàn gắn, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 04 người con chung tên Trương Mạnh K sinh ngày 27/9/1997, Trương Gia H sinh ngày 24/10/2000, Trương Gia Kh sinh ngày 13/6/2009 và Trương Triều L sinh ngày 11/12/2011, đang ở với chị L và

anh T. Cháu K và cháu H đã thành niên, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con đối với hai cháu, nên không xem xét. Chị L yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi cháu Kh và cháu L. Anh T yêu cầu nếu Tòa án xét cho vợ chồng ly hôn thì anh xin được nuôi cháu L, trường hợp cháu L muốn ở với chị L thì anh đồng ý. Cháu Trương Gia Kh và cháu Trương Triều L đều đã trên 07 tuổi, Tòa án đã hỏi ý kiến của hai cháu, cháu Kh và cháu L đều muốn được ở với mẹ. Như vậy, việc giao cháu Kh và cháu L cho chị L nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cháu Khang và cháu L. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trương Gia Kh và cháu Trương Triều L cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Văn Thị Ái L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Văn Thị Ái L được ly hôn với anh Trương Công T.

2. Về quan hệ con chung: Xác định chị L, anh T có 04 người con chung tên Trương Mạnh K sinh ngày 27/9/1997, Trương Gia H sinh ngày 24/10/2000, Trương Gia Kh sinh ngày 13/6/2009 và Trương Triều L sinh ngày 11/12/2011. Cháu K và cháu H đã thành niên, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con đối với hai cháu, nên không xem xét. Cháu Trương Gia Kh và cháu Trương Triều L, đang ở với chị L và anh T, giao cháu Kh và cháu L cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Văn Thị Ái L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004862 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn Văn Thị Ái L và bị đơn Trương Công T. Chị L, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND TX. An Nhơn;*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang